

Bản án số: 02/2021/HSST

Ngày: 02- 02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Toàn

2. Ông Nguyễn Viết Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 2 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS, ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14/11/1983 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đình T và bà Nguyễn Thị M; Có chồng là: Đỗ Đắc Q; Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2020 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Nguyễn Công H1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/9/1992 tại huyện P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 6, xã M, huyện H, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức V và bà Vũ Thị H3; Vợ con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2020 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3. Lê Duy A; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/9/1993 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Đội 4, thôn B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn X và bà Lê Thị L; Vợ con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 02 tiền sự về hành vi xâm hại sức khỏe người khác tại quyết định số 287949 ngày 26/5/2016 và quyết định số 094883 ngày 14/02/2020 đều của Công an huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2020 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

4.Vũ Văn S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23/7/1992 tại huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Đội 1, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị H4; Vợ con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 321/2019/HSST, ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2020 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

*** Người bị hại:** Anh Nguyễn Đức V1, sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Những người làm chứng:**

1. Anh Đỗ Đình C1, sinh năm 1989. Vắng mặt

Trú tại: Khu 6, xã M, huyện H, tỉnh P.

2. Chị Đỗ Thị Thu H5, sinh năm 1998. Vắng mặt

Trú tại: Khu 14, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8 năm 2016 Bùi Thị H có cho anh Nguyễn Đức V1 vay số tiền 270.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh dothua lỗ nên anh V1 không có tiền trả cho H. Đến cuối tháng 8 năm 2020 sau nhiều lần đòi tiền anh V1 không được. Bùi Thị H đã nhắn tin gọi điện thoại cho Nguyễn Công H1 nhờ H1 giúp H đòi lại số tiền anh V1 nợ H1 đồng ý và nói với Lê Duy A sau đó H1 và Duy A cùng một số đối tượng đã hai lần đến nhà anh V1 để đòi tiền.

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 31/8/2020, Nguyễn Công H1 cùng Lê Duy A và một người phụ nữ tên Nguyễn Thị Kim C2 (không rõ địa chỉ) đến nhà anh V1, nhưng do anh V1 không có nhà nên các đối tượng đã nhắn tin, hẹn anh V1 trong 10 ngày phải chuẩn bị tiền để trả cho H, sau đó H1, Duy A và Chi đi về Hà Nội.

Lần thứ hai: Vào sáng ngày 11/9/2020, Nguyễn Công H1 mượn xe ô tô nhãn hiệu Hyundai - i10, BKS: 19A-294.44 của anh Đỗ Đình C1 sau đó H1 lái xe đưa Lê Duy A và Vũ Văn S lên nhà Bùi Thị H và ăn cơm tại nhà H trong lúc ăn cơm H có nói chuyện với mọi người việc anh V1 vay tiền của H chưa trả và nhờ mọi người đòi giúp. H1, Duy A và S đồng ý. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày H đi xe ô tô cùng H1, Duy A và S đến nhà anh V1, đến nơi thấy anh V1 đang nằm ở giường Duy A cầm một chiếc bật lửa gas bằng kim loại có hình dạng

giống khẩu súng đánh vào đầu anh V1, H1 dùng tay, chân đánh anh V1, làm anh V1 bị thương tích chảy máu ở vùng đầu còn S đưa anh V1 ra phòng khách để nói chuyện. Tại phòng khách anh V1 kêu bị choáng phải đi khám, tất cả đưa anh V1 lên xe ô tô với lý do đưa đi bệnh viện sơ cứu vết thương khi đi đến gần khu vực đường cao tốc, anh V1 nói không bị choáng nữa và bảo chưa có tiền trả nợ muốn quay về nhà. Duy A có nói với H là phải đưa V1 về Hà Nội khi nào có tiền trả thì thả về, H đồng ý. Duy A bảo H1 điều khiển xe đi vào nút giao IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và đi theo hướng về Hà Nội. Trên đường đi Nguyễn Công H1 lái xe, H ngồi ở ghế trước bên phụ, anh V1 ngồi ở hàng ghế sau giữa Duy A và S. Quá trình di chuyển Duy A và S nhiều lần dùng tay, chân đánh vào ngực, vai anh V1 yêu cầu anh V1 gọi điện cho người nhà chuẩn bị số tiền 40.000.000 đồng để trả nợ thì sẽ được về. Khi đi đến nút giao IC11, thuộc huyện H, tỉnh Phú Thọ, H1 điều khiển xe ra khỏi cao tốc, đi ngược lên hướng thành phố Y và dừng xe ở ven đường tại đây các bị cáo tiếp tục dùng tay, chân đánh anh V1 và yêu cầu anh V1 gọi điện cho người nhà chuyển tiền để trả cho H nhưng do người nhà anh V1 chưa có tiền trả nên các bị cáo tiếp tục đưa anh V1 lên xe ô tô, đi vào đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai để đi về Hà Nội. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H1 lái xe ra khỏi đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và dừng nghỉ uống nước. Tại đây, các bị cáo tiếp tục yêu cầu anh V1 gọi điện thoại về cho người nhà để chuyển tiền trả cho H nhưng gia đình anh V1 vẫn chưa có tiền trả cho H nên Duy A bảo H1 chuẩn bị dao, thớt, búa đinh để đánh, đe dọa anh V1. H1 gọi điện nhờ một người bạn tên Q (không rõ địa chỉ) mang dao, thớt, búa đinh đến rồi cất vào trong xe ô tô. Sau đó các bị cáo đưa anh V1 đến khu vực nghĩa trang thuộc huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Tại đây, Duy A cùng H1 và S đưa anh V1 xuống xe, S đứng giữ anh V1 từ phía sau, H1 cầm dao gõ vào thớt gỗ, giữ tay anh V1 đặt lên thớt và đe dọa anh V1 còn Duy A dùng đoạn gậy gỗ đánh vào khuỷu tay, đầu gối trái và bàn tay trái của anh V1 yêu cầu tiếp tục gọi điện cho người nhà thu xếp tiền để trả cho H, nhưng người nhà anh V1 vẫn chưa chuyển tiền để trả cho H nên các bị cáo tiếp tục đưa anh V1 lên xe ô tô, đi đến Đội 7, thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội, thuê 03 phòng của Nhà nghỉ 68 và giữ anh V1 ở đó. Trong thời gian ở tại nhà nghỉ, S, H1 và Duy A thay nhau dùng chân, tay đánh anh V1 nhiều lần, yêu cầu anh V1 gọi điện về cho người nhà chuyển tiền trả cho H. Đến ngày 12/9/2020 khi các bị cáo đang giữ anh V1 ở Nhà nghỉ 68 thuộc Đội 7, thôn B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội thì bị Công an huyện Văn Yên bắt giữ.

Tại bản Kết luận giám định số: 144/TgT, ngày 23/10/2020 của Trung tâm Pháp y, Sở Y tế tỉnh Yên Bái kết luận: Sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên của Nguyễn Đức V1 hiện tại là: 13%.

Cơ chế hình thành thương tích: Gãy xương chính mũi là do vật tày tác động một lực vừa đủ theo hướng trực diện gây nên; Gãy xương đốt 1 ngón V bàn tay trái là do vật tày tác động một lực vừa đủ theo hướng trực diện gây nên; Sẹo vùng cằm là do vật tày tác động theo hướng trực diện gây nên; Sẹo vùng đỉnh trái là do vật tày tác động theo hướng trực diện gây nên; Sẹo cẳng chân trái là do vật tày tác động theo hướng từ trên xuống dưới gây nên.

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Thị H, Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S đã thành khẩn khai nhận hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích” đối với người bị hại anh Nguyễn Đức V1 nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-VY, ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên truy tố các bị cáo về tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị H, Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cố ý gây thương tích”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị H từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Bùi Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H1 từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H1 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Nguyễn Công H1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Duy A từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm a khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Duy A từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 05 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Lê Duy A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Vũ Văn S từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn S từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Vũ Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp với bản án số: 321/2019/HSST, ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. bị cáo Vũ Văn S phải chấp hành hình phạt chung.

Về xử lý vật chứng và án phí của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi "Bắt, giữ người trái pháp luật" và "Cố ý gây thương tích" là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do Bùi Thị H không đòi được tiền đã cho anh Nguyễn Đức V1 vay, Bùi Thị H đã nhờ Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S đòi nợ hộ. Ngày 11/9/2020 H cùng với H1, Duy A và S đến nhà anh V1 để uy hiếp đòi nợ, nhưng do anh V1 chưa có tiền trả, nên các bị cáo đã bắt ép anh V1 lên xe ô tô đưa về Hà Nội và giữ anh V1 tại Nhà nghỉ 68 thuộc Đội 7, thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình bắt, giữ anh V1, các bị cáo đã dùng chân, tay, bật lửa bằng kim loại, gây gỗ là hung khí nguy hiểm đánh anh V1, gây tổn hại về sức khỏe, tỷ lệ là 13%.

Do đó hành vi của Bùi Thị H, Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên truy tố các bị cáo Bùi Thị H, Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền công dân, quyền con người, quyền dân chủ, quyền về tính mạng, sức khỏe và tinh thần của người khác được pháp

luật bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó cần đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo gây ra trong vụ án thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vị trí, vai trò của từng người. Trong vụ án này, Bùi Thị H là người khởi xướng nhờ các bị cáo khác đòi nợ hộ, đồng ý để các đồng phạm thực hiện tội phạm và để mặc hậu quả xảy ra H phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người cầm đầu và chủ mưu nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Đối với Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S vì muốn giúp Bùi Thị H đòi nợ nên đã cùng nhau bắt giữ và gây thương tích cho anh V1 nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người thực hành trong vụ án. Đối với Lê Duy A là người tích cực về hành vi gây thương tích cho anh V1 nên Duy A phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H1 và S ở hành vi này.

[5] Xét về nhân thân: Các bị cáo Bùi Thị H, Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S là những người có sức khỏe, đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi, hoạt động của bản thân, nhưng không tu dưỡng rèn luyện bản thân. Các bị cáo hiểu rõ việc anh V1 nợ tiền Bùi Thị H là quan hệ dân sự nếu anh V1 không trả tiền thì H đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng H không làm như vậy mà nhờ các bị cáo bắt giữ và gây thương tích cho anh V1 để yêu cầu anh V1 trả nợ. Đối với Lê Duy A có 02 tiền sự về hành vi xâm hại sức khỏe người khác chưa được xóa, còn Vũ Văn S năm 2019 bị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng hiện bị cáo đang chấp hành án. Nên bị cáo S phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này các bị cáo đều thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng và rèn luyện bản thân của các bị cáo là rất kém. Do đó cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo thì mới có thể giáo dục, cải tạo được các bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy tại Cơ quan điều tra và phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Bùi Thị H và Nguyễn Công H1 đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh Nguyễn Đức V1 và anh V1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H và H1 nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Bùi Thị H và bị cáo Nguyễn Công H1 đã tác động để anh Đỗ Đắc Q là chồng Bùi Thị H và ông Nguyễn Đức V là bố Nguyễn Công H1 đã tự nguyện bồi thường mỗi người giao cho anh V1 số tiền là 15.000.000 đồng. Tổng cộng là: 30.000.000 đồng. Nay anh Nguyễn Đức V1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 bật lửa ga có hình dạng súng, phần thân bằng kim loại màu xám, tổng chiều dài 15cm, phần báng được ốp nhựa màu nâu; 01 thớt gỗ hình tròn, đường kính 25cm, dày 02 cm, độ dày

thót 02 cm, có một khuyên bằng kim loại hình tròn gắn ở thân thót gỗ, trên bề mặt có nhiều vết xước, bị vỡ một khoảng dài 08cm, thót cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc búa đinh có tổng chiều dài 24cm, thân búa bằng kim loại, đầu búa bằng kim loại có chiều dài 10,5cm, rộng 2,5cm một đầu vát, dẹt và chia đôi ở giữa; 01 con dao tay có chiều dài 35cm, chuôi dao ốp gỗ có hai đinh chốt kim loại và một lỗ hồng hình tròn gần thân dao; thân dao bằng kim loại màu trắng dài 22 cm, phần rộng nhất của bản dao là 8,7cm; trên thân dao có hình con cá và dòng chữ “King fish made in Korea” và nhiều chữ nước ngoài được khắc chìm; phần đầu thân dao có lỗ tròn đường kính 01cm. Đây là những vật các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

-Đối với 01điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Thị H; 01điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu trắng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Công H1 các bị cáo dùng vào việc liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

-Quá trình điều tra Công an đã thu giữ của: Lê Duy A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng; Vũ Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ máy màu đen đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, vỏ máy màu trắng sữa đã qua sử dụng; Bùi Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng đã qua sử dụng; Nguyễn Công H1 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng trắng đã qua sử dụng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Công H1 đây là những tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

- Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai-i10 BKS:19A-294.44và các giấy tờ liên quan quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Đỗ Đình C1 và chị Đỗ Thị Thu H5 đây là chiếc xe ô tô Nguyễn Công H1 mượn để sử dụng vào việc phạm tội nhưng anh C1 và chị H5 không biết việc H1 sử dụng vào việc bắt, giữ và gây thương tích cho anh V1 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C1 và chị H5 là phù hợp.

- Đối với người phụ nữ tên là Nguyễn Thị Kim C2, các bị cáo chỉ quen biết qua mạng xã hội biết Chi ở Hải Phòng nhưng không xác định được địa chỉ ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở xác minh để xử lý trong vụ án này.

- Đối với người thanh niên tên Quân mang dụng cụ thót, dao, búa, đinh đưa cho H1 để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra không xác định được địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Q trong vụ án là phù hợp.

[9] Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị H, Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

+Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 08 (tám) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Bùi Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội 03(ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H1 07 (bảy) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H1 02(hai) năm 02(hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Nguyễn Công H1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội 02(hai) năm 09(chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Duy A 07(bảy) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

-Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Duy A 02 (hai) năm 03(ba) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Lê Duy A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Vũ Văn S 07 (bảy) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn S 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Vũ Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án số: 321/2019/HSST, ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tổng cộng Vũ Văn S phải chấp hành hình phạt là: 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo

3. Về vật chứng của vụ án và các vấn đề khác:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bật lửa ga có hình dạng súng, phần thân bằng kim loại màu xám, tổng chiều dài 15cm, phần báng được ốp nhựa màu nâu; 01 thớt gỗ hình tròn, đường kính 25cm, dày 02 cm, có một khuyên bằng kim loại hình tròn gắn ở thân thớt gỗ, trên bề mặt có nhiều vết xước, bị vỡ một khoảng dài 08cm, thớt cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc búa đinh có tổng chiều dài 24cm, thân búa bằng kim loại, đầu búa bằng kim loại có chiều dài 10,5cm, rộng 2,5cm một đầu vát, dẹt và chia đôi ở giữa; 01 con dao tay có chiều dài 35cm, chuôi dao ốp gỗ có hai đinh chốt kim loại và một lỗ hồng hình tròn gần thân dao; thân dao bằng kim loại màu trắng dài 22 cm, phần rộng nhất của bản dao là 8,7cm; trên thân dao có hình con cá và dòng chữ “King fish made in Korea” và nhiều chữ nước ngoài được khắc chìm; phần đầu thân dao có lỗ tròn đường kính 01cm.

+ Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng của Bùi Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu trắng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của Nguyễn Công H1.

+ Trả lại cho các bị cáo: Lê Duy A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng; Vũ Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ máy màu đen đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, vỏ máy màu trắng sữa đã qua sử dụng; Bùi Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng đã qua sử dụng; Nguyễn Công H1 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng trắng đã qua sử dụng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Công H1.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Thị H, Nguyễn Công H1, Lê Duy A và Vũ Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có H1 lực pháp luật, các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời H1 thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Văn Yên;
- CA huyện Văn Yên (2);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo; Bị hại;
- THADS huyện Văn Yên;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

Nguyễn Đình Lâm

